

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HC-PT
Ngày: 09/3/2020
V/v khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực
đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mỹ.

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tấn Lợi.

Ông Nguyễn Tấn Tặng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Tài – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09/3/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2019/TLPT-HC ngày 11 tháng 12 năm 2019, về Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2013/HC-ST ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo và Bản án hành chính phúc thẩm số: 04/2016/HC-PT ngày 11 tháng 3 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị hủy;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2020/QĐ-PT ngày 04 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1944;

Địa chỉ: Ấp 1, xã N, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn L: Bà Thân Thị T, sinh năm 1961; Nơi ĐKKH thường trú: Ấp P, xã I, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

Địa chỉ liên lạc: Ấp 1, xã N, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (văn bản ủy quyền 13/02/2020).

2. *Người bị kiện:*

2.1. Ủy ban nhân dân huyện T;

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai Văn S - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T: Bà Lê Thị Lệ Y – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T (văn bản ủy quyền ngày 07/02/2020).

Cùng địa chỉ: Số 324, đường Nguyễn H, khóm 4, thị trấn R, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T: Ông Nguyễn Thanh G – Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn R, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Huỳnh Thị A, sinh năm: 1951;

Địa chỉ: Ấp 1, xã N, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị A: Bà Thân Thị T, sinh năm 1961; Nơi ĐKKH thường trú: Ấp P, xã I, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ liên lạc: Ấp 1, xã N, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (văn bản ủy quyền 13/02/2020).

4. *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn L (là người khởi kiện) và bà Huỳnh Thị A (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan).

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện ông Nguyễn Văn L trình bày: Ông có đất canh tác (lúa) diện tích là 51.750 m² tọa lạc ấp 1, xã N, huyện T, vào ngày 09/9/2009 UBND huyện T đã thu hồi diện tích 12.083 m² làm tuyến dân cư kênh Bắc Viện - bờ Đông kênh Tân Thành và bồi thường với giá 40.000đ/m², ông đã nhận tiền bồi thường

xong, không có khiếu nại, tranh chấp. Đến ngày 11/9/2009 UBND Huyện tiếp tục thu hồi thêm diện tích 22.800 m² thuộc một phần thửa 58 để làm bãi vật liệu đổ tuyến dân cư Bắc Viện theo Quyết định 1690 ngày 11/9/2009 của UBND huyện T thu hồi đất của bà Huỳnh Thị A (chồng Nguyễn Văn L), nay ông chỉ còn 12-13 công đất, đến ngày 25/9/2009 UBND Huyện ban hành Quyết định số 1952 bồi thường hỗ trợ trên đất với giá là 35.000 đ/m², hỗ trợ 1NK x 3 tháng x 30kg gạo x 8.000đ/kg ông không đồng ý giá bồi thường và yêu cầu bồi thường với giá 70.000đ/m² và lấy đất đi thì phải trả hàm lại cho ông, sau đó UBND Huyện ban hành Quyết định 344 ngày 02/4/2010 giải quyết khiếu nại của ông nâng giá bồi thường là 40.000đ/m², tiếp theo UBND Huyện ban hành Quyết định 544 ngày 28/4/2010 bồi thường hỗ trợ bổ sung (giá 5.000đ/m²), ông không thống nhất giá bồi thường nên đã ngăn chặn không cho Kobe mức đất, sau đó UBND Huyện ban hành Quyết định số 05 ngày 09/02/2011 cưỡng chế buộc vợ chồng ông giao đất, ông không đồng ý khiếu nại lên UBND tỉnh Đồng Tháp được giải quyết bằng Quyết định số 36 ngày 01/7/2011 giữ nguyên Quyết định 344 của UBND huyện T. Đến ngày 27/12/2011 ông khởi kiện đến Tòa án huyện T yêu cầu hủy Quyết định 1952 và quyết định 344, tại phiên tòa sơ thẩm ông rút đơn khởi kiện đối với Quyết định 1952, Tòa án xử bác yêu cầu đối với Quyết định 344.

Nay ông yêu cầu Tòa án hủy 05 Quyết định hành chính của UBND huyện T như sau:

- Quyết định 1690 ngày 11/9/2009 của UBND huyện T thu hồi đất của bà Huỳnh Thị A (chồng là Nguyễn Văn L) xã N, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Quyết định 1952 ngày 25/9/2009 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng tuyến dân cư kênh Bắc Viện - bờ Đông kênh Tân Thành cho bà Huỳnh Thị A, xã N, huyện T.

- Quyết định 344 ngày 02/4/2010 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Huỳnh Thị A (chồng Nguyễn Văn L), ngụ ấp 1, xã N, huyện T.

- Quyết định 544 ngày 28/4/2010 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng tuyến dân cư Bắc Viện - bờ Đông kênh Tân Thành (bổ sung) cho bà Huỳnh Thị A (chồng Nguyễn Văn L) xã N, huyện T, Đồng Tháp.

- Quyết định 05 ngày 09/02/2011 của UBND huyện T cưỡng chế thi hành Quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai. Đồng thời yêu cầu bồi thường

như sau:

+ Bồi thường giá đất theo Nghị định 69 của Chính phủ: $200.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 22.613 \text{ m}^2 = 4.522.600.000\text{đ}$.

+ Bồi thường hỗ trợ đời sống theo Nghị định 69 của Chính phủ $3\text{NK} \times 12$ tháng $\times 30\text{kg}/\text{tháng} \times 12.000\text{đ} = 12.960.000\text{đ}$.

+ Bồi thường tiền lãi theo lãi suất của Ngân hàng đối với số tiền là $4.522.600.000\text{đ}$.

+ Bồi thường chi phí hè thu 2010: $560.000\text{đ}/\text{công} \times 22.613 \text{ m}^2 = 12.663.000\text{đ}$.

+ Bồi thường tiền đo đất $7.500.000\text{đ}$.

- Ông yêu cầu bồi thường giá đất theo Nghị định 69 của Chính phủ có hiệu lực từ ngày 01/10/2009 bởi vì thực tế UBND huyện T thu hồi đất năm 2010 cụ thể là từ ngày 01/4/2010 xã, huyện mới nghiêm cấm không cho ông canh tác đất, nhưng lại ban hành Quyết định thu hồi ngày 11/9/2009 để bồi thường với giá thấp và không có giao cho ông các Quyết định 1690; 1952; 544. Còn đối với các Quyết định 344, 05 Huyện có giao cho ông nhận. Lúc thu hồi thì Huyện không có đo đạc đất, đất ông ngoài tuyến dân cư muốn thu hồi thì phải thỏa thuận giá với chủ đất, UBND Huyện tự ý thu hồi mà ông không biết.

Tại Tòa án cấp sơ thẩm ông Bùi Đức M đại diện theo ủy quyền của UBND và Chủ tịch UBND huyện T trình bày:

UBND huyện T thực hiện dự án tuyến dân cư kênh Bắc Viện - bờ Đông kênh Tân Thành, thuộc xã N, huyện T là căn cứ vào Quyết định 1268 ngày 12/11/2008 của UBND Tỉnh Đồng Tháp phê duyệt kế hoạch thực hiện công trình xây dựng cụm tuyến dân cư. . . , căn cứ Quyết định 499 ngày 13/7/2009 của UBND Huyện phê duyệt qui hoạch chi tiết điều chỉnh tuyến dân cư, trong đó có thu hồi, bồi thường đất của bà Huỳnh Thị A (chồng là Nguyễn Văn L) theo Quyết định 1690, 1952, 344, 544, 05. Việc ban hành các quyết định này là đúng trình tự thủ tục theo quy định của Nghị định 197/2004 và Nghị định 84/2007 của Chính phủ, Luật khiếu nại, Luật đất đai.

Qua yêu cầu của ông Nguyễn Văn L, bà Huỳnh Thị A, UBND huyện T và Chủ tịch UBND huyện T không đồng ý.

Tại Tòa án cấp sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị A trình bày: Thống nhất với lời trình bày và ý kiến của ông Nguyễn Văn L.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 01/2013/HC-ST ngày 06/5/2013 của Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên xử:

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Nguyễn Văn L, bà Huỳnh Thị A đối với yêu cầu hủy Quyết định 1690 ngày 11/9/2009 của UBND huyện T thu hồi đất của bà Huỳnh Thị A (chồng là Nguyễn Văn L) xã N, huyện T, tỉnh Đồng Tháp và đối với yêu cầu hủy Quyết định 05 ngày 09/02/2011 của UBND huyện T cưỡng chế thi hành Quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Bác yêu cầu của ông Nguyễn Văn L, bà Huỳnh Thị A đối với các yêu cầu hủy:

- Quyết định 1952 ngày 25/09/2009 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng tuyến dân cư kênh Bắc viện - bờ Đông kênh Tân Thành cho bà Huỳnh Thị A, xã N, huyện T.

- Quyết định 344 ngày 02/4/2010 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Huỳnh Thị A (chồng Nguyễn Văn L), ngụ ấp 1, xã N, huyện T.

- Quyết định 544 ngày 28/4/2010 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng tuyến dân cư Bắc viện - bờ Đông kênh Tân Thành (bổ sung) cho bà Huỳnh Thị A (chồng Nguyễn Văn L) xã N, huyện T, Đồng Tháp.

- Bác yêu cầu của ông Nguyễn Văn L, bà Huỳnh Thị A đối với các yêu cầu bồi thường về giá đất, bồi thường hỗ trợ trên đất, bồi thường lãi suất, bồi thường chi phí vụ hè thu 2010, bồi thường tiền đo đất.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/5/2013, ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị A kháng cáo không thống nhất với toàn bộ nội dung bản án hành chính sơ thẩm nêu trên, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết những vấn đề sau:

- Diện tích 22.613 m² nằm ngoài phần đất quy hoạch tuyến dân cư kênh Bắc Viện, Ủy ban nhân dân huyện T lấy đất mà không có quyết định thu hồi, không có biên bản đo đạc thực tế.

- Đất không có quy hoạch nên bồi thường giá 40.000 đồng/m² ông L không đồng ý, mà phải theo giá thỏa thuận Nhà nước mua đất lại của dân.

- Ủy ban nhân dân Huyện cho rằng xin ý Ủy ban nhân dân Tỉnh lấy đất của ông và các hộ xung quanh nhưng chỉ lấy đất của ông và hộ ông O.

Sau khi xét xử phúc thẩm, Chủ tịch Ủy ban nhân huyện T có đơn đề nghị xem xét lại Bản án hành chính phúc thẩm số 04/2016/HC-PT ngày 11/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp theo thủ tục giám đốc thẩm.

Đến ngày 11/10/2019, Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử vụ án trên và tuyên:

Hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 04/2016/HC-PT ngày 11/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp để xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị A giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện T, Chủ tịch UBND huyện T:

Trong quá trình xác lập thủ tục thu hồi và bồi thường đất cho ông Nguyễn Văn L, UBND huyện T có sai sót về mặt thủ tục. Tuy nhiên, đối với các yêu cầu bồi thường về giá đất, bồi thường hỗ trợ trên đất theo Nghị định 69, bồi thường lãi suất, bồi thường chi phí vụ hè thu 2010, bồi thường tiền đo đất của ông Nguyễn Văn L, bà Huỳnh Thị A thì UBND huyện T không đồng ý. Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý đến khi xét xử, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2]. Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị A trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Do đó, đơn kháng cáo là hợp lệ.

[3]. Ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị A kháng cáo không đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm và yêu cầu hủy Quyết định 1690/QĐ-UBND.NĐ ngày 11/9/2009, Quyết định 1952/QĐ-UBND.NĐ ngày 25/9/2009 của Ủy ban nhân dân huyện T, Quyết định 344/QĐ-UBND.NĐ ngày 02/4/2010 của Chủ tịch UBND huyện T, Quyết định 544/QĐ-UBND.NĐ ngày 28/4/2010 của Ủy ban nhân dân huyện T, Quyết định 05/QĐ-UBND.CC ngày 09/02/2011 Ủy ban nhân dân huyện T với lý do: Phần đất 22.613 m² của ông, bà nằm ngoài quy hoạch tuyến dân cư kênh Bắc Viện, UBND Huyện lấy đất mà không có quyết định thu hồi, không có biên bản đo đạc thực tế, vì đất không có quy hoạch nên bồi thường giá 40.000đ/m² là không thỏa đáng, mà phải trả tiền giá trị đất theo giá thỏa thuận giữa Nhà nước với dân.

Bản án số 01/2013/HCST ngày 06/5/2013 của Tòa án nhân dân huyện T đã đình chỉ giải quyết đối với các Quyết định 1690 ngày 11/9/2009, Quyết định 05 ngày 09/2/2011 vì cho rằng ông L, bà A khởi kiện ngày 8/11/2012 đối với các quyết định trên là hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 104 Luật tố tụng hành chính.

[4] Các Quyết định số 1952/QĐ-UBND.NĐ ngày 25/9/2009, số 344/QĐ-UBND.NĐ ngày 02/4/2010, số 544/QĐ-UBND.NĐ ngày 28/4/2010 là các quyết định giải quyết khiếu nại và quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng tuyến dân cư Bắc viện - bờ Đông kênh Tân Thành cho bà Huỳnh Thị A (chồng Nguyễn Văn L) nên khi ông L khởi kiện lần đầu tiên vào ngày 27/12/2011 là còn thời hiệu, các quyết định này có liên quan đến các quyết định thu hồi đất số 1690/QĐ-UBND.NĐ ngày 11/9/2009 và cưỡng chế số 05/QĐ-UBND.NĐ ngày 11/9/2009. Cho nên khi xem xét các quyết định trên Hội đồng xét xử phải xem xét các quyết định có liên quan theo quy định tại

khoản 1 Điều 163 Luật tổ tụng hành chính để đánh giá tính hợp pháp của các quyết định này. Việc đình chỉ giải quyết của Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm là chưa đủ căn cứ.

- Về thẩm quyền ban hành Quyết định 1690/QĐ-UBND.NĐ ngày 11/9/2009, Quyết định 1952/QĐ-UBND.NĐ ngày 25/9/2009 của Ủy ban nhân dân huyện T, Quyết định 344/QĐ-UBND.NĐ ngày 02/4/2010 của Chủ tịch UBND huyện T, Quyết định 544/QĐ-UBND.NĐ ngày 28/4/2010 của Ủy ban nhân dân huyện T, Quyết định 05/QĐ-UBND.CC ngày 09/02/2011 Ủy ban nhân dân huyện T (gọi tắt là Quyết định 1690, 1952, 344, 544, 05). Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đã căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; Luật đất đai năm 2003; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai là đúng quy định của pháp luật.

- Về trình tự thủ tục:

Ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị A có diện tích đất lúa 22.800 m² ở thửa 58 quyền sử dụng cấp ngày 10/3/1994 tên Nguyễn Văn L được thu hồi làm bãi vật liệu thuộc tuyến dân cư kênh Bắc Viện – bờ Đông Tân Thành, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Ngoài ra ông L còn có một phần đất 12.083,1 m² cũng thuộc tuyến dân cư trên đã thu hồi và bồi thường theo Quyết định số 1596 ngày 09/9/2009 ông không khiếu nại.

Tuyến dân cư kênh Bắc Viện – bờ Đông kênh Tân Thành, xã N, huyện T được UBND Tỉnh phê duyệt bằng các quyết định như sau:

- Quyết định số 1268 ngày 12/11/2008 về việc phê duyệt kế hoạch về việc thực hiện chương trình xây dựng cụm tuyến dân cư giai đoạn 2.

- Quyết định số 576 ngày 22/5/2009 phê duyệt phương án bồi thường tổng thể dự án tuyến dân cư kênh Bắc Viện – bờ Đông kênh Tân Thành, xã N, huyện T (giai đoạn 2) diện tích thu hồi là 168.144 m².

- Quyết định số 1198 ngày 14/9/2009 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tuyến dân cư kênh Bắc Viện – bờ Đông kênh Tân Thành (giai đoạn 2), trong đó có phần diện tích san lấp tuyến dân cư (bãi vật liệu) là 45.600 m² theo Văn bản số 1400 của Sở Tài chính Tỉnh.

- Quyết định số 214 ngày 19/3/2010 phê duyệt phương án bồi thường điều chỉnh bổ sung tuyến kênh Bắc Viện – bờ Đông.

Căn cứ vào Quyết định số 1268 trên, ngày 30/3/2009 UBND huyện T ban hành Quyết định 179 về phê duyệt chi tiết tuyến kênh Bắc Viện – bờ Đông, tổng diện tích đất là 87.544 m² do Phó Chủ tịch ông Nguyễn Thành K ký (bút lục số 49, 50), sau đó đến ngày 13/7/2009 UBND huyện T ban hành Quyết định 499 về phê duyệt quy hoạch chi tiết điều chỉnh tuyến kênh Bắc Viện – bờ Đông thay thế cho Quyết định 179, tổng diện tích quy hoạch là 121.513 m² có bãi vật liệu là 45.600 m² do Phó Chủ tịch ông Nguyễn Thành K ký (bút lục 51, 52).

Căn cứ vào Quyết định 499 ngày 13/7/2009, Sở Tài chính ban hành văn bản số 1400 ngày 11/9/2009 đề nghị UBND Tỉnh phê duyệt phương án bồi thường giai đoạn 2, đến ngày 14/9/2009 Tỉnh mới phê duyệt bằng Quyết định 1198.

- Quyết định số 1690 ngày 11/9/2009 của UBND Huyện: V/v thu hồi phần đất của bà Huỳnh Thị A (chồng là Nguyễn Văn L).

Nội dung thu hồi đất của bà Huỳnh Thị A (chồng Nguyễn Văn L).

Đất đo đạc thực tế: Diện tích 22.800 m², TĐĐ số 6, một phần thửa 477/58, mục đích sử dụng: Lúa. Diện tích này thu hồi làm bãi vật liệu.

Quyết định này được niêm yết tại UBND xã ngày 26/9/2009.

Sau khi UBND ban hành Quyết định thu hồi đất số 1690 ngày 11/9/2009 thì Tổ chức làm nhiệm vụ BT-GPMB có trách nhiệm thực hiện kê khai, kiểm kê đất đai và tài sản gắn liền với đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 11/3/2016, đại diện UBND cung cấp biên bản kiểm kê đất đai, tài sản bị thiệt hại thu hồi đất xây dựng ngày 12/9/2009 và cho rằng khi đo đạc ông L không hợp tác nên không ký vào biên bản.

Tuy nhiên tại biên bản đối chất ngày 27/12/2012 tại Tòa án nhân dân huyện T (bút lục số 263) đại diện UBND cho rằng: UBND Huyện đo đạc trên bản đồ địa chính mà không đo đạc thực tế vì căn cứ vào Nghị Định 84 đất đã có quyền sử dụng rồi thì chỉ đo trên bản đồ địa chính vì đã ổn định.

Như vậy nếu UBND thu hồi đất của ông L, bà A ngày 11/9, văn bản của Sở Tài chính ngày 11/9 (bút lục 306) phê duyệt phương án bồi thường của UBND Tỉnh ngày 14/9 (bút lục 305), đến ngày 25/9/2009 bồi thường cho bà A bằng Quyết định 1952 là vi phạm về mặt thời gian.

- Quyết định số 1952 ngày 25/9/2009 UBND Huyện: V/v bồi thường, hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng Tuyến dân cư kênh Bắc Viện – bờ Đông kênh

Tân Thành cho bà Huỳnh Thị A xã N, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, tổng số tiền là 798.720.000 đồng.

- Quyết định số 344 ngày 02/4/2010 của Chủ tịch UBND Huyện V/v giải quyết khiếu nại của bà Huỳnh Thị A (chồng là Nguyễn Văn L), điều chỉnh Quyết định 1952, bồi thường bổ sung cho bà A, tổng số tiền là 114.000.000 đồng.

- Quyết định số 544 ngày 28/4/2010 của UBND Huyện bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho bà A, tổng số tiền là 114.000.000 đồng.

Tuy nhiên, kể từ khi có Quyết định 1952 ngày 25/9/2009 thì đến ngày 14/9/2010 UBND mới gửi tiền vào kho bạc.

- Ngày 09/02/2011, UBND huyện T ra Quyết định 05 cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà A (chồng là Nguyễn Văn L).

Từ việc vi phạm trình tự thủ tục tại các Điều 52, Điều 53, Điều 55, Điều 56 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính Phủ như Quyết định thu hồi đất ban hành trước Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, không kiểm tra hiện trường về diện tích đất đối với trường hợp có mâu thuẫn về diện tích, không thực hiện niêm yết phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dẫn đến việc cưỡng chế đất không đúng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông L, bà A. Do đó Bản án sơ thẩm đã không xem xét đến các vi phạm về trình tự thủ tục khi ban hành các quyết định của UBND, Chủ tịch UBND để xem xét quyền lợi chính đáng của ông L, bà A mà đã bác yêu cầu khởi kiện của ông L và bà A là chưa có căn cứ vững chắc.

[5]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông L và bà A yêu cầu hủy các Quyết định 1690, 1952, 344, 544, 05 là có căn cứ nên chấp nhận. Đối với yêu cầu UBND huyện T ra quyết định thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ cho ông L và bà A theo quy định của Nghị định 69, do Nghị định 69 hết hiệu lực nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết. Về yêu cầu bồi thường tiền lãi Ngân hàng đối với số tiền sẽ được bồi thường theo Nghị định 69, bồi thường chi phí vụ hè thu 2010 của ông L, do các quyết định thu hồi, bồi thường hỗ trợ bị hủy nên Hội đồng xét xử cũng không xem xét giải quyết các yêu cầu trên. Đối với chi phí đo đạc đất là 7.500.000 đồng, do ông L, bà A tự thuê Công ty TNHH thiết kế xây dựng Đông Hồ đo đạc nên phải chịu toàn bộ chi phí trên. Cho nên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận một

phần kháng cáo của ông L, bà A, sửa bản án sơ thẩm, hủy các Quyết định 1690, 1952, 344, 544, 05 của UBND huyện T và Chủ tịch UBND huyện T.

[6]. Sau khi UBND Huyện ra các quyết định, ông L khiếu nại đến UBND Tỉnh, UBND Tỉnh ban hành Quyết định số 36/QĐ-UBND-NĐ ngày 07/01/2011 chuẩn y Quyết định 344. Do các quyết định bị hủy nên Hội đồng xét xử kiến nghị UBND tỉnh Đồng Tháp thu hồi Quyết định số 36/QĐ-UBND-NĐ ngày 07/01/2011.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[8]. Do sửa Bản án hành chính sơ thẩm nên ông Nguyễn Văn L, bà Huỳnh Thị A không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

[9]. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Luật đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận 01 phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị A.

- Sửa bản án hành chính sơ thẩm số 01/2013/HC-ST ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Tòa án nhân dân huyện T.

- Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L.

- Hủy các Quyết định như sau:

+ Quyết định số 1690/QĐ-UBND.NĐ ngày 11/9/2009 của UBND huyện T: V/v thu hồi phần đất của bà Huỳnh Thị A (chồng là Nguyễn Văn L).

+ Quyết định số 1952/QĐ-UBND.NĐ ngày 25/9/2009 UBND huyện T :

V/v bồi thường, hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng tuyến dân cư kênh Bắc Viện – bờ Đông kênh Tân Thành cho bà Huỳnh Thị A xã N, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

+ Quyết định số 344/QĐ-UBND.NĐ ngày 02/4/1010 của Chủ tịch UBND huyện V/v giải quyết khiếu nại của bà Huỳnh Thị A (chồng là Nguyễn Văn L).

+ Quyết định số 544/QĐ-UBND.NĐ ngày 28/4/2010 của UBND huyện T V/v bồi thường, hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng tuyến dân cư kênh Bắc Viện – bờ Đông kênh Tân Thành (bổ sung) cho bà Huỳnh Thị A xã N, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

+ Quyết định số 05/QĐ-UBND.CC ngày 09/2/2011 của Ủy ban nhân dân huyện T cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Huỳnh Thị A (chồng là Nguyễn Văn L).

- Ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị A phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ là 7.500.000 đồng (đã thanh toán xong).

- Về án phí:

+ UBND huyện T, Chủ tịch UBND huyện T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Nhưng do UBND huyện T, Chủ tịch UBND huyện T đã nộp 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm theo bản án số 04/2016/HC-PT ngày 11/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp nên UBND huyện T, Chủ tịch UBND huyện T chỉ nộp thêm 100.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

+ Trả lại cho ông Nguyễn Văn L 400.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm, tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm. Trả lại cho ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị A 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm. Nhưng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đã chi trả cho ông L 400.000 đồng theo biên lai số 007157 ngày 03/01/2012 và biên lai số 007146 ngày 19/6/2012 cho nên chỉ tiếp tục trả cho ông L, bà A 200.000 đồng theo biên lai số 006837 ngày 07/6/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, THC (H).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mỹ

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Huỳnh Thanh Tấn – Nguyễn Văn Vững

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mỹ

